

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2019/HS-PT
Ngày 09-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh; Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Trịnh Văn Tr do có kháng cáo của bị hại Lê Văn D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Trịnh Văn Tr**, sinh năm 1972; nơi cư trú: 231/VĐĐ, ấp V, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1938 và bà Lê Thị N, sinh năm 1935; vợ Nguyễn Thị NH, sinh năm 1973; có 02 người con sinh năm 1995 và 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

- Bị hại có kháng cáo: ông Lê Văn D, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: ông Luật sư Nguyễn Tấn Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Tấn Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn Tr là em vợ của ông Lê Văn D, nhà cả hai gần nhau tại ấp V, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre, do tranh chấp lối đi nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2018, Tr đi uống rượu về thấy ông D liền gây sự chửi bới, ông D cự cãi lại rồi bỏ vào nhà. Ngay sau đó, Tr lấy cái lưỡi liềm đi qua nhà ông D thì nhìn thấy ông D từ trong nhà ra cổng rào nên Tr cầm lưỡi liềm

xông đến chém liên tục nhiều nhất vào người ông D gây thương tích. Sau đó, Tr bỏ trốn khỏi địa phương một thời gian rồi về đầu thú sau khi có quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 lưỡi liềm của Trịnh Văn Tr dài 43 cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn đường kính 03 cm, dài 15 cm, trên cán có dính nhiều bùn đất, nhiều vết màu nâu đã khô; lưỡi bằng kim loại dài màu đen dài 28cm, trên lưỡi có dính nhiều bùn đất, nhiều vết màu nâu đã khô và có dính lông tóc, phần đầu lưỡi bị cong, phần lưỡi và cán có đóng 03 cây đinh để cố định lưỡi và cán; 01 chiếc dép nhựa quai ngang, màu đen, dính nhiều bùn đất của Lê Văn D.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 238 -1118/TgT ngày 21/12/2018, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Lê Văn D như sau: vết thương lóc mất da vùng trán – đỉnh kích thước 06cm x 05 cm, hiện vết thương lành sẹo, kích thước 05cm x 03 cm: 10%; vết thương lóc da đầu vùng chẩm sau kích thước 10cm x 10 cm, hiện vết thương lành sẹo, kích thước 12cm x 0,6cm: 08%; vết thương sau vai phải dài 10cm, sâu 0,2 cm, đã lành sẹo, kích thước 10cm x 0,2 cm: 01%, trầy da cổ - vai phải đã lành sẹo, kích thước 08cm x 0,2 cm: 01%; vết thương mặt trước 1/3 dưới cẳng tay trái gây đứt gân, duỗi cổ tay quay, gân cơ cánh tay quay, hiện vết thương lành sẹo kích thước 10cm x 0,2 cm: 1%; vết thương mặt trước ngoài cánh tay phải dài 15 cm gây đứt cơ nhị đầu, cơ tam đầu, hiện vết thương lành sẹo kích thước 13 cm x 0,3cm: 01%; vết thương cẳng tay phải dài 02cm đã lành sẹo, kích thước 02cm x 0,2cm: 01%; vết thương đốt xa ngón I bàn tay phải mất da rộng vùng mặt lòng đầu ngón tay đã lành sẹo kích thước 02cm x 0,6 cm: 01%, tê đầu ngón tay I. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 22%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 04-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Trịnh Văn Tr phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15-3-2019, bị hại Lê Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt cho bị cáo do hành vi của bị cáo chém nhiều nhất vào người bị hại thể hiện rõ bản tính hung hãn côn đồ, nhiều vết thương cho đến nay vẫn chưa bình phục ảnh hưởng rất đến khả năng lao động và tổn thất về mặt tinh thần.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Văn Tr từ 2 năm đến 3 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Trịnh Văn Tr đã dùng lưỡi liềm chém nhiều nhát vào người của ông Lê Văn D gây thương tích, gây tổn thương cơ thể là 22%. Bị cáo sử dụng lưỡi liềm sắc bén thuộc loại hung khí nguy hiểm vô cớ chửi mắng rồi chém nhiều nhát vào người ông D đã thể hiện bản tính hung hăng côn đồ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” với hai tình tiết định khung tăng nặng là “dùng hung khí nguy hiểm” và phạm tội “có tính chất côn đồ” theo quy định tại khoản điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo Tr là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị hại Lê Văn D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Tr, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải nên sau khi bỏ trốn và bị truy nã bị cáo đã tự nguyện đầu thú, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để xử phạt bị cáo Tr 1 năm tù là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, chưa đảm bảo tính răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo, cũng như công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Mặt khác, bị cáo phạm vào hai tình tiết định khung hình phạt, hành vi phạm tội thể hiện rõ bản tính hung hăng côn đồ, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần tăng nặng hình phạt đối với bị cáo theo yêu cầu kháng cáo của bị hại; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và đề nghị của kiểm sát viên yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị hại không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ

luật Tố tụng Hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Tr 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị hại Lê Văn D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã H (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Bị hại (1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn